TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2024/DS-ST
Ngày: 15-8-2024
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân thị xã L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước H, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Theo Giấy ủy quyền số No-00887 ngày 23/02/2023 của Văn phòng công chứng L). Có mặt

- *Bị đơn***:** Ông **Nguyễn Đ**, sinh năm: 1969. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:** Bà **Lê Thị D**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn Thanh L, xã T, thị xã L, Bình Thuận. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024 và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có nhu cầu vay vốn làm ăn nên ông Nguyễn Đ có liên hệ, và đề nghị vay của nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.6%/tháng và được ông B đồng ý cho vay. Ngày 25/10/2022, ông B và ông Đ đến Văn phòng công chứng L lập hợp đồng vay đối với số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1.6%/tháng, thời hạn vay 06 tháng (ngày đến hạn là 24/4/2023), hợp đồng đã được được công chứng tại Văn phòng công

chứng L theo số công chứng No 08046, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Ông B đã giao cho ông Đ số tiền 600.000.000 đồng. Cùng ngày, ông Đ tiếp tục vay thêm của ông B số tiền 1.500.000.000 đồng. Các bên đến văn phòng công chứng L lập và công chứng Hợp đồng vay tiền đối với số tiền 1.500.000.000 đồng, lãi suất 1.6%/tháng, thời hạn vay 06 tháng (ngày đến hạn là 24/4/2023) theo số công chứng No 08047, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Trong suốt quá trình vay, ông Đ đã trả cho ông 400.000.000 đồng gốc và 03 tháng tiền lãi, tương ứng với số tiền là 100.800.000 đồng, những tháng tiếp theo ông Đ trốn tránh, không thực hiện việc trả lãi cho ông B. Đến hạn trả tiền gốc, ông Nguyễn Đ không trả nợ theo thỏa thuận mặc dù ông B rất nhiều lần yêu cầu. Tại đơn khởi kiện, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đ phải có trách nhiệm trả cho ông B số tiền 1.700.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất chậm trả trong thời gian 09 tháng, tương ứng với số tiền lãi là 27.000.000 (Hai mươi bảy triệu) đồng, tuy nhiên nguyên đơn nhận thấy ông Đ không có khả năng trả lãi nên ông không yêu cầu lãi nữa, chỉ yêu cầu trả lại số tiền gốc là 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ông B là bà Nguyễn Thị H giữ nguyên ý kiến buộc ông Nguyễn Đ trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền gốc là 1.700.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đ: Quá trình giải quyết, bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do. Tại biên bản xác minh nơi cư trú, địa phương cung cấp, ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng (thông báo thụ lý, thời gian làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như thời gian vụ án được đưa ra xét xử) cho bị đơn theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D trình bày: Bà và ông Nguyễn Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà không biết và cũng không tham gia vào việc vay tiền giữa ông Đ và ông Nguyễn Thanh B, nay ông B yêu cầu ông Đ trả lại số tiền vay thì bà không có ý kiến gì và xin vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến phiên tòa do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 1.700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B thì quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Do bị đơn cư trú tại Thôn Thanh L, xã T, thị xã L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Đ vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ gốc, yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá nội dung khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu bị đơn trả lại khoản tiền gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại 02 Hợp đồng vay tiền lập ngày 25/10/2022, được công chứng tại Văn phòng công chứng L theo số công chứng No 08047, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD và số No 08047, quyển số 10/2022TP/CC-SCC/HĐGD thể hiện ông B cho ông Nguyễn Đ vay số tiền là 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1.6%/tháng. Ông B trình bày, ông Đ đã trả được 400.000.000 đồng tiền gốc, còn lại nợ tiền gốc là 1.700.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đ nhiều lần đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó thể hiện bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trong vụ án.

Xét các hợp đồng vay tiền ngày 25/10/2022 giữa các bên phù hợp quy định pháp luật, tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Cho đến nay bị đơn đã vi phạm về thời hạn trả nợ của bên vay tài sản được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc còn lại là 1.700.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Điển trả lại cho ông Nguyễn Thanh B số tiền gốc là 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 01 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 02 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điểm a khoản 01 Điều 35; Khoản 01 Điều 39; Khoản 01 Điều 147; Điểm b khoản 02 Điều 227; Khoản 03 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; Điều 357, Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 02 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B

Buộc ông Nguyễn Đ phải trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền 1.700.000.000 (Một tỷ bảy trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đ phải nộp 63.000.000 (Sáu mươi ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh B số tiền 38.200.000 (Ba mươi tám triệu hai trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011459 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L

Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7A,7B và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Án văn;
- Lưu,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Thị Yến Nhi